

Số: 97 /2019/WSB

Cần Thơ, ngày 06 tháng 3 năm 2019

(Về việc công bố thông tin  
Báo cáo tài chính của Công ty mẹ  
đã kiểm toán năm 2018)

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
2. Mã chứng khoán: WSB
3. Địa chỉ trụ sở: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
4. Điện thoại: 0292 3 843 333 Fax: 0292 3 843 222
5. Người thực hiện Công bố thông tin: Lê Đăng Khoa
6. Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây công bố thông tin Báo cáo tài chính của Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2018 bởi Công ty TNHH KPMG. Nội dung báo cáo bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán;
- + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh;
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

Địa chỉ đăng tải Nội dung Báo cáo: [www.wsb-sabeco.com.vn](http://www.wsb-sabeco.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:  
- Như trên;  
- Lưu HC.



**Lê Đăng Khoa**



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018**





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

5703000144  
1800586579

ngày 13 tháng 4 năm 2005  
ngày 14 tháng 9 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 14 tháng 9 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Thành Nam  
Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan  
Ông Trần Nguyên Trung  
Ông Phạm Đình Hùng  
Ông Nguyễn Văn Đồi

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Loan Anh  
Ông Đoàn Tiến Dũng  
Ông Nguyễn Văn Doanh

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Đăng Khoa  
Ông Phạm Minh Quân  
Ông Nguyễn Đức Tuấn

Giám đốc  
Phó Giám đốc  
Phó Giám đốc

**Người đại diện theo  
pháp luật**

Ông Nguyễn Thành Nam

**Trụ sở đăng ký**

Khu Công nghiệp Trà Nóc  
Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy  
Thành phố Cần Thơ  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 28 tháng 2 năm 2019





KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 33.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác


Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 9 tháng 3 năm 2018.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00318-19-3



  
Hà Vũ Định  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2019



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>184.760.210.371</b>	<b>152.618.635.432</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>15.997.888.555</b>	<b>234.954.255</b>
Tiền	111		197.888.555	234.954.255
Các khoản tương đương tiền	112		15.800.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>133.111.682.026</b>	<b>122.279.004.831</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	16.514.361.114	6.321.390.102
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.731.000.000	2.657.866.994
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	114.866.320.912	113.299.747.735
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>34.877.486.931</b>	<b>29.770.110.289</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>773.152.859</b>	<b>334.566.057</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		773.152.859	334.566.057
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>374.631.232.290</b>	<b>402.812.679.030</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	3.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>288.642.412.736</b>	<b>316.589.168.844</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	288.642.412.736	316.589.168.844
Nguyên giá	222		496.537.884.204	489.244.242.485
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(207.895.471.468)	(172.655.073.641)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		73.881.710	73.881.710
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(73.881.710)	(73.881.710)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>340.404.773</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	-	340.404.773
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>67.286.255.400</b>	<b>67.793.965.400</b>
Đầu tư vào công ty con	251		45.000.000.000	45.000.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.135.902.200	16.135.902.200
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(849.646.800)	(341.936.800)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.699.564.154</b>	<b>18.086.140.013</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	18.699.564.154	18.086.140.013
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>559.391.442.661</b>	<b>555.431.314.462</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

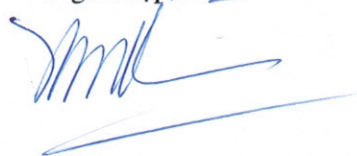
**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>103.592.705.294</b>	<b>80.207.833.332</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>99.728.870.291</b>	<b>78.197.519.332</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	13.169.823.422	9.328.801.194
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	28.609.817.223	37.217.119.328
Phải trả người lao động	314		7.044.883.988	2.811.555.765
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		638.564.671	1.429.726.850
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	34.760.684.092	7.559.579.031
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	15.505.096.895	19.850.737.164
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.863.835.003</b>	<b>2.010.314.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337		38.000.000	38.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	3.825.835.003	1.972.314.000
<b>Vốn chủ sở hữu (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>455.798.737.367</b>	<b>475.223.481.130</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>455.798.737.367</b>	<b>475.223.481.130</b>
Vốn cổ phần	411	20	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	177.711.446.954	177.711.446.954
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		133.087.290.413	152.512.034.176
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		87.268.912.924	71.240.232.801
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		45.818.377.489	81.271.801.375
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>559.391.442.661</b>	<b>555.431.314.462</b>

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



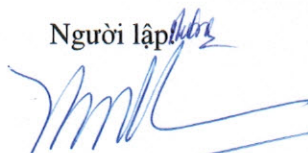
**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 02 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>347.028.933.677</b>	<b>352.700.589.193</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>25</b>	<b>272.506.271.015</b>	<b>279.837.686.739</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>74.522.662.662</b>	<b>72.862.902.454</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	75.274.502.504	82.155.039.822
Chi phí tài chính	22	27	551.748.307	4.402.286.722
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		44.038.307	4.054.229.843
Chi phí bán hàng	25		403.877.536	1.216.196.600
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	19.542.547.818	20.721.877.251
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>129.298.991.505</b>	<b>128.677.581.703</b>
Thu nhập khác	31		781.427.183	4.817.027.424
Chi phí khác	32		266.463.459	1.178.864.276
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>514.963.724</b>	<b>3.638.163.148</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>129.813.955.229</b>	<b>132.315.744.851</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>30</b>	<b>11.722.560.090</b>	<b>11.234.905.427</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>30</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>118.091.395.139</b>	<b>121.080.839.424</b>

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>129.813.955.229</b>	<b>132.315.744.851</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	37.450.457.999	36.659.264.552
Các khoản dự phòng	03	3.990.510.640	2.314.250.800
Lãi tiền gửi	05	(228.124.047)	(6.075.917)
Thu nhập từ cổ tức	05	(75.046.378.457)	(82.148.963.905)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(391.469.459)	(1.407.029.813)
Chi phí lãi vay	06	44.038.307	4.054.229.843
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>95.632.990.212</b>	<b>91.781.420.411</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(9.188.986.526)	3.788.621.398
Biến động hàng tồn kho	10	(5.107.376.642)	935.126.065
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(3.707.201.435)	(18.970.200.664)
Biến động chi phí trả trước	12	(1.052.010.943)	7.605.082.172
		<b>76.577.414.666</b>	<b>85.140.049.382</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(44.038.307)	(4.119.866.701)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.234.905.427)	(6.364.951.823)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(18.624.283.420)	(15.984.764.528)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>45.674.187.512</b>	<b>58.670.466.330</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(9.372.618.567)	(8.200.253.045)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	600.790.908	1.655.436.179
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(3.880.715.400)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	64.764.036.447	82.955.054.084
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>55.992.208.788</b>	<b>72.529.521.818</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

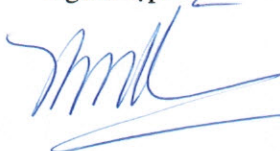


**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

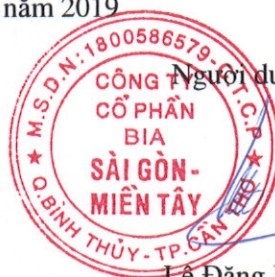
	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		51.719.820.061	343.318.002.339
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(51.719.820.061)	(430.904.023.871)
Tiền chi trả cổ tức	36		(85.903.462.000)	(44.636.032.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(85.903.462.000)</b>	<b>(132.222.053.532)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>15.762.934.300</b>	<b>(1.022.065.384)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>234.954.255</b>	<b>1.257.019.639</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>15.997.888.555</b>	<b>234.954.255</b>

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Người lập

Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát và xuất khẩu; kinh doanh văn phòng và kho bãi.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2018: 1 công ty con và 1 công ty liên kết), chi tiết được trình bày tại Thuyết minh 11.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 117 nhân viên (1/1/2018: 144 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(b) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### **(e) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	2 – 10 năm

#### **(f) Tài sản cố định vô hình**

##### ***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

#### **(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

#### **(h) Chi phí trả trước dài hạn**

##### ***(i) Chi phí đất trả trước***

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.

##### ***(ii) Bao bì luân chuyển***

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.



## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

#### **(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### **(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

#### **(p) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

#### **(q) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

## **4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và phân phối bia. Hoạt động khác là kinh doanh và cho thuê kho bãi. Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	102.497.800	158.168.400
Tiền gửi ngân hàng	95.390.755	76.785.855
Các khoản tương đương tiền	15.800.000.000	-
	15.997.888.555	234.954.255

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 5,5% một năm.

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	12.743.161.114	6.237.778.800
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	3.731.200.000	-
Các khách hàng khác	40.000.000	83.611.302
	16.514.361.114	6.321.390.102

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	12.743.161.114	6.237.778.800
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	-	72.251.444
<b>Bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	3.731.200.000	-

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về lợi nhuận và cổ tức được chia	114.693.738.404	113.050.047.735
Tạm ứng cho nhân viên	160.000.000	240.700.000
Phải thu khác	12.582.508	9.000.000
	114.866.320.912	113.299.747.735

**8. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	382.229.500	-
Nguyên vật liệu	9.026.130.311	-	9.578.761.775	-
Công cụ và dụng cụ	4.803.769.806	-	5.252.282.537	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.900.510.470	-	11.520.326.883	-
Thành phẩm	10.147.076.344	-	3.036.509.594	-
	34.877.486.931	-	29.770.110.289	-



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	68.613.003.036	403.483.793.538	9.156.238.431	7.991.207.480	489.244.242.485
Tăng trong năm	134.050.264	894.734.990	1.218.771.611	2.324.643.904	4.572.200.769
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	791.176.270	4.349.646.301	-	-	5.140.822.571
Thanh lý	-	(810.665.334)	(1.483.412.307)	(125.303.980)	(2.419.381.621)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>69.538.229.570</b>	<b>407.917.509.495</b>	<b>8.891.597.735</b>	<b>10.190.547.404</b>	<b>496.537.884.204</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	20.372.315.705	141.827.361.696	5.805.054.371	4.650.341.869	172.655.073.641
Khấu hao trong năm	4.172.381.270	31.515.913.798	810.549.647	951.613.284	37.450.457.999
Thanh lý	-	(762.901.414)	(1.321.854.778)	(125.303.980)	(2.210.060.172)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>24.544.696.975</b>	<b>172.580.374.080</b>	<b>5.293.749.240</b>	<b>5.476.651.173</b>	<b>207.895.471.468</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	48.240.687.331	261.656.431.842	3.351.184.060	3.340.865.611	316.589.168.844
Số dư cuối năm	44.993.532.595	235.337.135.415	3.597.848.495	4.713.896.231	288.642.412.736

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 46.226 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 43.705 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	340.404.773	1.715.215.136
Tăng trong năm	4.800.417.798	3.801.271.227
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.140.822.571)	(5.176.081.590)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	-	340.404.773
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**11. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2018			1/1/2018				
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>										
Công ty con										
• Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	Không áp dụng	100%	45.000.000.000	-	(*)	Không áp dụng	100%	45.000.000.000	-	(*)
Công ty liên kết										
• Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu	2.402.400	20%	7.000.000.000	-	(*)	2.402.400	20%	7.000.000.000	-	(*)
Đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC	145.060	1,28%	2.155.186.800	(849.646.800)	(*)	145.060	1,28%	2.155.186.800	(341.936.800)	(*)
			<b>68.135.902.200</b>	<b>(849.646.800)</b>				<b>68.135.902.200</b>	<b>(341.936.800)</b>	

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	341.936.800	-
Dự phòng trích lập trong năm	507.710.000	341.936.800
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	849.646.800	341.936.800
	<hr/>	<hr/>

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Tiền thuê đất</b> <b>trả trước</b> <b>VND</b>	<b>Bao bì luân</b> <b>chuyển</b> <b>VND</b>	<b>Công cụ và</b> <b>dụng cụ</b> <b>VND</b>	<b>Chi phí khác</b> <b>VND</b>	<b>Tổng</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	13.019.260.624	2.109.971.815	1.501.511.026	1.455.396.548	18.086.140.013
Tăng trong năm	-	621.308.402	3.086.970.818	686.486.902	4.394.766.122
Phân bổ trong năm	(458.341.368)	(1.492.815.559)	(1.164.019.435)	(666.165.619)	(3.781.341.981)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	12.560.919.256	1.238.464.658	3.424.462.409	1.475.717.831	18.699.564.154
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.294.466.081	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sabeco	2.153.022.724	136.051.190
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghiệp Mê Kông	1.196.269.562	1.225.151.092
Các nhà cung cấp khác	7.526.065.055	7.967.598.912
	<hr/>	<hr/>
	13.169.823.422	9.328.801.194

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.294.466.081	-
<b>Bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sabeco	2.153.022.724	136.051.191
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	27.625.012.750	318.707.381.263	(326.660.775.021)	19.671.618.992
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.234.905.427	11.722.560.090	(12.234.905.427)	4.722.560.090
Thuế giá trị gia tăng	3.679.054.356	66.647.880.907	(66.640.044.091)	3.686.891.172
Thuế thu nhập cá nhân	678.146.795	3.109.032.955	(3.258.432.781)	528.746.969
Thuế xuất nhập khẩu	-	70.389.824	(70.389.824)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	37.217.119.328	400.260.245.039	(408.867.547.144)	28.609.817.223

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Cổ tức phải trả	33.976.973.808	3.880.435.808
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	517.118.200	457.050.000
Chuyên quỹ khen thưởng, phúc lợi cho công ty con	-	2.685.170.888
Các khoản phải trả khác	266.592.084	536.922.335
	34.760.684.092	7.559.579.031

**16. Vay ngắn hạn**

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2018 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	-	51.719.820.061	(51.719.820.061)	-

Khoản vay ngắn hạn trong năm từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh được sử dụng để tài trợ vốn lưu động và chịu lãi suất 5% một năm.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	19.850.737.164	9.610.743.777
Trích lập trong năm (Thuyết minh 19)	14.277.315.611	28.909.928.803
Sử dụng trong năm	(16.995.003.783)	(15.984.764.528)
Chuyển quỹ khen thưởng, phúc lợi cho công ty con	(1.627.952.097)	(2.685.170.888)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	15.505.096.895	19.850.737.164

**18. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.972.314.000	-
Dự phòng trích lập trong năm	3.482.800.640	1.972.314.000
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.629.279.637)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.825.835.003	1.972.314.000

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	145.000.000.000	176.816.640.972	105.476.455.341	427.293.096.313
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	121.080.839.424	121.080.839.424
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(28.909.928.803)	(28.909.928.803)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	894.805.982	(894.805.982)	-
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(43.500.000.000)	(43.500.000.000)
Giảm khác	-	-	(740.525.804)	(740.525.804)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	145.000.000.000	177.711.446.954	152.512.034.176	475.223.481.130
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	118.091.395.139	118.091.395.139
Chuyển trích lập quỹ đầu tư phát triển của công ty con (*)	-	-	(7.238.823.291)	(7.238.823.291)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(116.000.000.000)	(116.000.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(14.277.315.611)	(14.277.315.611)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	145.000.000.000	177.711.446.954	133.087.290.413	455.798.737.367

(\*) Căn cứ theo Nghị quyết số 15/2018/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển cho công ty con là 7.238.823.291 VND (2017: Không) bằng cách giảm phần phân phối lợi nhuận của công ty con ở năm trước.



## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018 và 1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

## 21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

## 22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 72.500 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017, trong đó 14.500 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông năm 2017 (2017: 43.500 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu)).

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng phê duyệt tạm ứng khoản cổ tức cho các cổ đông là 58.000 triệu VND (tương đương 4.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	702.230.520	603.980.406
Từ hai đến năm năm	2.808.922.081	2.415.921.622
Trên năm năm	4.843.330.370	5.213.085.802
	<hr/>	<hr/>
	8.354.482.971	8.232.987.830
	<hr/>	<hr/>

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	-	2.458.430.985
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	7.397.072.045
	<hr/>	<hr/>
	-	9.855.503.030
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	338.313.741.237	343.782.122.167
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu</i>		
<i>thụ đặc biệt</i>	657.021.122.500	654.091.620.788
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(318.707.381.263)	(310.309.498.621)
▪ Cung cấp dịch vụ	982.272.730	1.034.750.104
▪ Doanh thu khác	7.732.919.710	7.883.716.922
	<hr/>	<hr/>
	347.028.933.677	352.700.589.193
	<hr/>	<hr/>

**25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	267.564.651.636	275.205.446.057
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	808.174.068	803.623.140
▪ Giá vốn khác	4.133.445.311	3.828.617.542
	<hr/>	<hr/>
	272.506.271.015	279.837.686.739
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	75.046.378.457	82.148.963.905
Lãi tiền gửi	228.124.047	6.075.917
	<hr/>	<hr/>
	75.274.502.504	82.155.039.822

**27. Chi phí tài chính**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Chi phí lãi vay	44.038.307	4.054.229.843
Chi phí tài chính khác	507.710.000	348.056.879
	<hr/>	<hr/>
	551.748.307	4.402.286.722

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Chi phí nhân viên	9.817.184.778	8.810.755.528
Chi phí khấu hao	399.030.761	502.531.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.681.203.044	2.312.617.522
Chi phí quản lý khác	7.645.129.235	9.095.973.159
	<hr/>	<hr/>
	19.542.547.818	20.721.877.251



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	173.255.878.744	179.187.069.071
Chi phí nhân công và nhân viên	32.117.810.599	37.661.035.222
Chi phí khấu hao	37.450.457.999	36.659.264.552
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.063.228.339	24.187.455.698
Chi phí khác	27.565.320.688	18.246.307.020

**30. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b> Năm hiện hành	11.722.560.090	11.234.905.427

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	129.813.955.229	132.315.744.851
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	25.962.791.046	26.463.148.970
Chi phí không được khấu trừ thuế	512.106.267	1.201.549.238
Thu nhập không bị tính thuế	(15.009.275.691)	(16.429.792.781)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	256.938.468	-
	11.722.560.090	11.234.905.427

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán hàng hóa (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	337.337.779.224	342.654.121.411
Mua nguyên vật liệu	122.113.276.723	116.995.830.453
Cổ tức	59.160.000.000	22.185.000.000
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng</b>		
Bán hàng hóa	11.296.000	2.837.590.715
Cổ tức	61.712.866.057	72.500.000.000
Tiền khen thưởng phúc lợi	1.627.952.097	-
Mượn vật tư	276.405.052	-
Hỗ trợ vốn lưu động	-	25.000.000.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu</b>		
Cổ tức	7.207.200.000	8.408.400.000
<b>Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô</b>		
Cổ tức	6.053.782.400	1.891.807.000
Mua nguyên vật liệu	26.840.455	57.644.841
Mua thêm cổ phần	-	3.880.715.400
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Bán hàng hóa	3.482.657.365	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.442.832.308	1.723.037.210
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sabeco</b>		
Mua hàng hóa	3.783.631.345	204.290.400
<b>Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu</b>		
Mua hàng hóa	741.455.130	932.405.000
<b>Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long</b>		
Bán hàng hóa	99.679.500	15.948.000
Cho mượn vật tư	3.582.508	-



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Tiền</b> Mua hàng hóa	19.273.000	-
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang</b> Mua hàng hóa	17.262.000	-
<b>Chi nhánh Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây - Nhà máy Cồn Rượu Bình Dương</b> Mua hàng hóa	-	41.902.000
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh</b> Bán tài sản cố định	-	40.454.545
<b>Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn</b> Mua hàng hóa	-	34.587.000
<b>Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương</b> Mua hàng hóa	-	15.607.272
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b> Lương, thưởng và phúc lợi khác	5.040.946.637	5.440.000.000

**32. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Người lập

Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc